

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học

| TT | Họ và tên             | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------|---------------------------|---------|
| 1  | Trương Thành Đạt      | 17/11/1997 | 37,00                     |         |
| 2  | Cao Thị Thu Hà        | 10/08/1991 | 26,00                     |         |
| 3  | Nguyễn Ngọc Hiền      | 20/03/1983 | 28,00                     |         |
| 4  | Phan Nguyễn Kim Hồng  | 23/01/1997 | 33,00                     |         |
| 5  | Thái Minh Khỏi        | 01/01/1986 | 30,00                     |         |
| 6  | Lê Phương Lâm         | 15/09/1991 | 28,00                     |         |
| 7  | Nguyễn Trần Mỹ Linh   | 23/09/1993 | 31,00                     |         |
| 8  | Lê Thị Mai Loan       | 15/09/1995 | 27,00                     |         |
| 9  | Đỗ Đình Minh          | 19/01/1995 | 26,00                     |         |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 18/02/1998 | 31,00                     |         |
| 11 | Lê Trương Hoàng Nhân  | 05/06/1991 | 27,00                     |         |
| 12 | Nguyễn Thị Khiết Tâm  | 26/01/1989 | 32,00                     |         |
| 13 | Lê Thiên Thanh        | 01/06/1991 | 27,00                     |         |
| 14 | Võ Minh Thành         | 01/04/1994 | 31,00                     |         |
| 15 | Phan Thế Mỹ Tiên      | 10/07/1997 | 30,00                     |         |
| 16 | Trần Văn Tiến         | 14/05/1995 | 30,00                     |         |

Danh sách này gồm có 16 (mười sáu) thí sinh./.

**Ghi chú:** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Hồ Sỹ Thắng



HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

| TT                                             | Họ và tên     |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|------------------------------------------------|---------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                              | Trần Văn      | Cẩm   | 25/05/1973 | 31,00                     |         |
| 2                                              | Lý Thanh      | Cần   | 09/04/1987 | 28,00                     |         |
| 3                                              | Nguyễn Duy    | Cường | 08/08/1981 | 27,00                     |         |
| 4                                              | Văn Kiều      | Diễm  | 27/12/1984 | 27,00                     |         |
| 5                                              | Phạm Thị      | Dung  | 10/04/1991 | 33,00                     |         |
| 6                                              | Phan Phước    | Hải   | 16/09/1986 | 32,00                     |         |
| 7                                              | Nguyễn Tuấn   | Hảo   | 28/08/2001 | 29,00                     |         |
| 8                                              | Nguyễn Trung  | Hiếu  | 30/11/1997 | 27,00                     |         |
| 9                                              | Tăng Thị Ngọc | Nhi   | 20/10/1992 | 27,00                     |         |
| 10                                             | Lư Minh       | Phụng | 15/10/1999 | 33,00                     |         |
| 11                                             | Võ Quốc       | Thanh | 10/08/1984 | 33,00                     |         |
| 12                                             | Lê Thị Thanh  | Xuân  | 12/11/1985 | 33,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 12 (mười hai) thí sinh./. |               |       |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

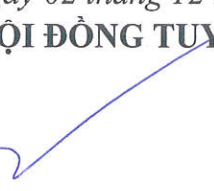
- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

  
Hồ Sỹ Thắng



  
HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Khoa học máy tính

| TT                                            | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-----------------------------------------------|-----------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                             | Trần Văn        | Đen   | 09/05/1991 | 34,00                     |         |
| 2                                             | Võ Văn          | Hạnh  | 17/02/1986 | 26,00                     |         |
| 3                                             | Nguyễn Bảo      | Khen  | 24/08/1985 | 33,00                     |         |
| 4                                             | Huỳnh Đăng      | Khoa  | 26/10/1984 | 33,00                     |         |
| 5                                             | Lê Nguyễn Luân  | Luân  | 05/01/1999 | 32,00                     |         |
| 6                                             | Mã              | Nữ    | 27/11/1988 | 25,00                     |         |
| 7                                             | Nguyễn Triệu    | Phú   | 30/12/1996 | 30,00                     |         |
| 8                                             | Khru Thành      | Tài   | 13/08/1982 | 28,00                     |         |
| 9                                             | Võ Kha Anh      | Thoại | 10/03/1996 | 31,00                     |         |
| 10                                            | Nguyễn Thị Bích | Thủy  | 07/02/1984 | 31,00                     |         |
| 11                                            | Cao Xuân Quốc   | Trung | 08/06/1982 | 29,00                     |         |
| 12                                            | Phan Hồ Trúc    | Văn   | 01/01/2000 | 27,00                     |         |
| 13                                            | Lê Công         | Vũ    | 01/04/1984 | 30,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 13 (mười ba) thí sinh./. |                 |       |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

  
Hồ Sỹ Thắng

  
HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Sinh học

| TT                                         | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|--------------------------------------------|---------------------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                          | Nguyễn Cẩm Đào      | 20/10/1988 | 35,00                     |         |
| 2                                          | Lâm Mỹ Duyên        | 13/01/1983 | 30,00                     |         |
| 3                                          | Phạm Thị Ngọc Hương | 08/02/1988 | 35,00                     |         |
| 4                                          | Đào Quế Hương       | 16/02/1985 | 33,00                     |         |
| 5                                          | Nguyễn Văn Khá      | 16/12/1986 | 29,00                     |         |
| 6                                          | Danh Hùng Khánh     | 12/03/1990 | 30,00                     |         |
| 7                                          | Nguyễn Thị Mỹ Quyên | 10/08/1997 | 35,00                     |         |
| 8                                          | Phan Quỳnh Thư      | 19/10/2001 | 38,00                     |         |
| 9                                          | Bùi Ánh Tuyết       | 15/10/2001 | 33,00                     |         |
| 10                                         | Lê Thị Cẩm Vân      | 28/01/1990 | 33,50                     |         |
| Danh sách này gồm có 10 (mười) thí sinh./. |                     |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

  
Hồ Sỹ Thắng

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

  
HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán

| TT                                        | Họ và tên             | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-------------------------------------------|-----------------------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                         | Trần Lương Quỳnh Anh  | 11/01/2002 | 32,00                     |         |
| 2                                         | Trần Nguyễn Khắc Duy  | 07/07/1997 | 30,00                     |         |
| 3                                         | Thời Thị Kim Ngân     | 14/05/1987 | 32,00                     |         |
| 4                                         | Nguyễn Văn Ngây       | 23/07/1980 | 26,00                     |         |
| 5                                         | Bùi Hữu Phúc          | 10/12/1989 | 28,00                     |         |
| 6                                         | Lê Tấn Tài            | 25/12/1987 | 34,00                     |         |
| 7                                         | Trịnh Thị Phương Thảo | 18/05/1987 | 31,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 07 (bảy) thí sinh./. |                       |            |                           |         |

**Ghi chú:** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Hồ Sỹ Thắng



HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

| TT                                              | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|-----------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                               | Phạm Thanh      | An    | 17/02/1998 | 32,00                     |         |
| 2                                               | Phạm Lê Tuấn    | Anh   | 21/03/1985 | 31,00                     |         |
| 3                                               | Lê Việt         | Bình  | 14/10/1990 | 32,00                     |         |
| 4                                               | Lê Minh         | Đoàn  | 20/04/1986 | 29,00                     |         |
| 5                                               | Đặng Xuân       | Đức   | 18/08/1988 | 33,00                     |         |
| 6                                               | Nguyễn Thị Thu  | Hằng  | 01/10/1984 | 33,00                     |         |
| 7                                               | Lê Thị          | Hồng  | 17/03/1992 | 31,00                     |         |
| 8                                               | Đỗ Thị Bích     | Liên  | 22/03/1994 | 31,00                     |         |
| 9                                               | Nguyễn Quang    | Minh  | 28/02/1998 | 31,00                     |         |
| 10                                              | Văn Thị         | Ngọc  | 06/11/1995 | 34,00                     |         |
| 11                                              | Trần Hữu        | Tài   | 08/03/1995 | 33,00                     |         |
| 12                                              | Nguyễn Phương   | Thảo  | 23/03/2002 | 35,00                     |         |
| 13                                              | Trương Xuân     | Thuần | 10/10/1991 | 31,00                     |         |
| 14                                              | Bùi Duy         | Tính  | 26/10/1990 | 33,00                     |         |
| 15                                              | Nguyễn Thu      | Trang | 02/03/1996 | 32,00                     |         |
| 16                                              | Trần Thị Mỹ     | Trinh | 31/03/1988 | 35,00                     |         |
| 17                                              | Danh Phương     | Tùng  | 02/12/1990 | 27,00                     |         |
| 18                                              | Trần Đoàn Thanh | Tuyết | 15/09/1988 | 33,00                     |         |
| 19                                              | Bùi Trường      | Vũ    | 01/01/1998 | 31,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 19 (mười chín) thí sinh./. |                 |       |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

  
Hồ Sỹ Thắng



HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

| TT                                             | Họ và tên            | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|------------------------------------------------|----------------------|------------|---------------------------|---------|
| 1                                              | Lê Anh Bảo           | 30/04/1987 | 34,00                     |         |
| 2                                              | Lê Trần Đăng Khoa    | 22/12/1992 | 35,00                     |         |
| 3                                              | Nguyễn Đăng Khoa     | 03/01/1992 | 35,00                     |         |
| 4                                              | Trần Minh Khôi       | 12/11/1999 | 34,00                     |         |
| 5                                              | Nguyễn Thị Mực       | 08/06/1993 | 33,00                     |         |
| 6                                              | Nguyễn Hồng Ngọc     | 29/08/1986 | 34,00                     |         |
| 7                                              | Nguyễn Thanh Nhã     | 30/11/1994 | 33,00                     |         |
| 8                                              | Bằng Thới Nhân       | 07/02/2000 | 35,00                     |         |
| 9                                              | Trần Thị Hồng Nhung  | 26/10/1994 | 34,00                     |         |
| 10                                             | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 19/07/1992 | 35,00                     |         |
| 11                                             | Phạm Phú Quý         | 12/03/1987 | 33,00                     |         |
| 12                                             | Lê Minh Tâm          | 31/05/2002 | 30,00                     |         |
| 13                                             | Hứa Quang Tạo        | 10/07/1987 | 31,00                     |         |
| 14                                             | Mai Thị Thanh Thảo   | 14/05/2001 | 31,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 14 (mười bốn) thí sinh./. |                      |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

  
Hồ Sỹ Thắng



HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

| TT | Họ và tên              | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----|------------------------|------------|---------------------------|---------|
| 1  | Nguyễn Thị Thúy Duy    | 21/10/1991 | 29                        |         |
| 2  | Ngô Văn Hoài           | 10/05/2002 | 29                        |         |
| 3  | Nguyễn Văn Quốc Huy    | 14/09/2000 | 27                        |         |
| 4  | Lê Văn Lắm             | 16/12/1990 | 29                        |         |
| 5  | Nguyễn Minh Ngọc       | 26/11/2000 | 30                        |         |
| 6  | Lê Nguyễn Trung Nhân   | 12/02/1975 | 28                        |         |
| 7  | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 30/08/1990 | 31                        |         |
| 8  | Võ Thị Cẩm Nhung       | 15/09/1995 | 33                        |         |
| 9  | Nguyễn Thị Kim Phụng   | 30/04/1986 | 30                        |         |
| 10 | Nguyễn Trúc Phương     | 16/07/2001 | 33                        |         |
| 11 | Trần Minh Tâm          | 27/03/1994 | 31                        |         |
| 12 | Đỗ Thị Thủy Tiên       | 15/01/1994 | 26                        |         |
| 13 | Lê Minh Hồng Trang     | 20/12/1987 | 31                        |         |

Danh sách này gồm có 13 (mười ba) thí sinh./.

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Hồ Sỹ Thắng



HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024**

**Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh**

| TT | Họ và tên               |       | Ngày sinh  | Điểm<br>trung bình<br>xét hồ sơ | Ghi<br>chú |
|----|-------------------------|-------|------------|---------------------------------|------------|
| 1  | Lê Thị Diệu             | Ái    | 01/10/1997 | 28                              |            |
| 2  | Nguyễn Thị Ngọc         | Anh   | 31/07/2000 | 36                              |            |
| 3  | Nguyễn Thái             | Bảo   | 15/06/1980 | 29                              |            |
| 4  | Phạm Đỗ Uyên            | Chi   | 30/08/1997 | 33                              |            |
| 5  | Mai Thị Hồng            | Gấm   | 25/11/1993 | 33                              |            |
| 6  | Phạm Thị Thu            | Hà    | 07/09/1978 | 25                              |            |
| 7  | Nguyễn Thị              | Hiền  | 22/09/1994 | 34                              |            |
| 8  | Nguyễn Thị Mai          | Hoa   | 01/06/1992 | 32                              |            |
| 9  | Lại Thành               | Hung  | 06/07/1994 | 36                              |            |
| 10 | Phùng Thị Ngọc          | Huyền | 22/10/1992 | 32                              |            |
| 11 | Lê Quốc                 | Khởi  | 01/01/1983 | 32                              |            |
| 12 | Dương Thị Liễu          | Lê    | 08/01/1998 | 31                              |            |
| 13 | Phạm Thị Ngọc           | Liên  | 29/08/1990 | 31                              |            |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng         | Lý    | 09/11/1989 | 33                              |            |
| 15 | Phan Thị                | Nga   | 30/03/2000 | 34                              |            |
| 16 | Đặng Thị Thanh          | Nhàn  | 30/01/1984 | 32                              |            |
| 17 | Phạm Minh               | Sang  | 23/12/1984 | 29                              |            |
| 18 | Phạm Hữu                | Thành | 26/06/1985 | 32                              |            |
| 19 | Thái Thanh              | Thúy  | 02/06/1982 | 29                              |            |
| 20 | Võ Thị Mỹ               | Trâm  | 25/02/2000 | 32                              |            |
| 21 | Phạm Minh               | Trí   | 16/03/1975 | 31                              |            |
| 22 | Hoàng Thị Thanh         | Tú    | 11/06/1982 | 31                              |            |
| 23 | Phạm Thị Bảo            | Uyên  | 04/04/1986 | 36                              |            |
| 24 | Nguyễn Thanh Tường      | Vi    | 14/01/1987 | 30                              |            |
| 25 | Nguyễn Công             | Vương | 20/04/1986 | 27                              |            |
| 26 | Nguyễn Thị              | Vy    | 23/05/1983 | 31                              |            |
| 27 | Lê Ngọc Thiên           | Ý     | 13/07/1999 | 36                              |            |
| 28 | Phạm Thị Ngọc           | Yến   | 30/07/1990 | 31                              |            |
| 29 | Phan Phú                | Cương | 26/03/1983 | 34                              |            |
| 30 | Lê Thị Ngọc             | Dung  | 09/11/1979 | 30                              |            |
| 31 | Trương Võ Thái Thị Thùy | Dương | 04/01/1985 | 35                              |            |
| 32 | Ngô Thanh               | Hằng  | 12/12/1992 | 35                              |            |
| 33 | Võ Thị Kim              | Hằng  | 06/02/1998 | 34                              |            |



| TT                                                 | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|------------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 34                                                 | Lê Xuân          | Hạnh  | 18/11/1983 | 32                        |         |
| 35                                                 | Đặng Hoàng       | Huy   | 01/01/1989 | 35                        |         |
| 36                                                 | Nguyễn Lê        | Huỳnh | 18/02/2002 | 34                        |         |
| 37                                                 | Lê Thanh         | Long  | 09/06/1994 | 35                        |         |
| 38                                                 | Đỗ Thị Kim       | Mau   | 07/03/1985 | 25                        |         |
| 39                                                 | Từ Ngọc          | Ngoan | 23/02/1979 | 32                        |         |
| 40                                                 | Lê Hải           | Nhân  | 03/04/1998 | 35                        |         |
| 41                                                 | Văn Tổ           | Ni    | 25/09/1992 | 31                        |         |
| 42                                                 | Nguyễn Minh      | Phát  | 16/08/1993 | 35                        |         |
| 43                                                 | Vũ Châu Thiên    | Phúc  | 28/03/1983 | 31                        |         |
| 44                                                 | Phạm Tổ          | Quyên | 27/11/2001 | 31                        |         |
| 45                                                 | Nguyễn Nhựt      | Quỳnh | 19/02/2002 | 35                        |         |
| 46                                                 | Nguyễn Tuyết     | Tâm   | 12/08/2002 | 34                        |         |
| 47                                                 | Phạm Thị Thanh   | Tâm   | 10/07/1989 | 32                        |         |
| 48                                                 | Đỗ Thị Ngọc      | Thanh | 28/10/1987 | 35                        |         |
| 49                                                 | Trần Văn         | Thanh | 01/01/1963 | 32                        |         |
| 50                                                 | Nguyễn Tuyết Anh | Thư   | 15/07/1991 | 31                        |         |
| 51                                                 | Phạm Thị Cẩm     | Tiên  | 27/09/1996 | 34                        |         |
| 52                                                 | Trịnh Đỗ Bảo     | Trâm  | 11/01/1995 | 32                        |         |
| 53                                                 | Hồ Thị Huyền     | Trân  | 24/08/2001 | 33                        |         |
| 54                                                 | Đỗ Huỳnh         | Trang | 13/08/1993 | 36                        |         |
| 55                                                 | Phan Trần Quốc   | Trí   | 20/07/1984 | 34                        |         |
| 56                                                 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc  | 17/06/1991 | 36                        |         |
| 57                                                 | Phạm Ánh         | Tuyết | 24/07/1987 | 33                        |         |
| 58                                                 | Trương Thị Thu   | Vân   | 01/01/1983 | 32                        |         |
| Danh sách này gồm có 58 (năm mươi tám) thí sinh./. |                  |       |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

Hồ Sỹ Thắng



**HIỆU TRƯỞNG**  
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024

Chuyên ngành: Giáo dục Tiểu học

| TT | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----|--------------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 1  | Đàm Thị Ngọc       | Anh   | 30/10/2000 | 34,00                     |         |
| 2  | Nguyễn Thị Quỳnh   | Anh   | 07/01/1997 | 30,00                     |         |
| 3  | Phạm Thị Quỳnh     | Anh   | 22/02/2001 | 33,00                     |         |
| 4  | Trần Thị Thu       | Anh   | 19/12/1986 | 26,00                     |         |
| 5  | Nguyễn Thanh       | Bình  | 10/01/1993 | 30,00                     |         |
| 6  | Đào Lê Quỳnh       | Châu  | 10/10/1990 | 31,50                     |         |
| 7  | Phan Thị Minh      | Châu  | 19/04/2000 | 32,50                     |         |
| 8  | Nguyễn Thị Thảo    | Chinh | 11/07/1996 | 29,50                     |         |
| 9  | Khru Văn           | Đa    | 08/06/1994 | 34,50                     |         |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh   | Dung  | 25/01/1990 | 27,00                     |         |
| 11 | Đỗ Thị Hồng        | Duyên | 05/03/1991 | 27,50                     |         |
| 12 | Lê Thị             | Hà    | 15/08/1994 | 29,00                     |         |
| 13 | Nguyễn Thị Hải     | Hà    | 10/04/2001 | 32,50                     |         |
| 14 | Đoàn Thanh         | Hải   | 06/12/1986 | 31,50                     |         |
| 15 | Nguyễn Thị Ngọc    | Hận   | 23/09/1991 | 28,00                     |         |
| 16 | Hoàng Thị          | Hanh  | 20/10/1986 | 31,00                     |         |
| 17 | Bùi Thị Thanh Diệu | Hồng  | 24/04/1988 | 27,50                     |         |
| 18 | Đặng Thị Ngọc      | Hồng  | 09/07/1989 | 29,00                     |         |
| 19 | Nguyễn Thị Phương  | Huế   | 04/03/1993 | 28,50                     |         |
| 20 | Vũ Thị Thu         | Hương | 26/12/1983 | 28,50                     |         |
| 21 | Mai Thị Thu        | Hường | 15/07/2000 | 33,00                     |         |
| 22 | Nguyễn Thị Thúy    | Hường | 19/12/1991 | 31,00                     |         |
| 23 | Đặng Thái          | Huy   | 06/06/1979 | 26,00                     |         |
| 24 | Trương Quốc        | Huy   | 21/08/1980 | 27,00                     |         |
| 25 | Nguyễn Bính        | Khiêm | 14/05/1988 | 31,50                     |         |
| 26 | Nguyễn Thị Mỹ      | Linh  | 03/01/1999 | 32,50                     |         |
| 27 | Nguyễn Thị Thùy    | Linh  | 05/08/2000 | 35,00                     |         |
| 28 | Phan Thùy          | Linh  | 17/12/1996 | 28,00                     |         |
| 29 | Trần Vũ Huyền      | My    | 16/03/1998 | 30,00                     |         |
| 30 | Cao Thiên          | Ngân  | 01/10/1982 | 28,50                     |         |
| 31 | Lê Thị Thu         | Ngân  | 11/01/1998 | 32,00                     |         |
| 32 | Phan Thị Thùy      | Ngân  | 30/01/1982 | 30,50                     |         |



| TT                                                 | Họ và tên              | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|------------------------|------------|---------------------------|---------|
| 33                                                 | Trần Văn Nghĩa         | 07/01/1999 | 35,50                     |         |
| 34                                                 | Nguyễn Thị Nguyệt      | 14/06/1991 | 27,50                     |         |
| 35                                                 | Nguyễn Thị Yên         | 19/04/2002 | 33,00                     |         |
| 36                                                 | Võ Trang Tuyết         | 05/04/1991 | 27,50                     |         |
| 37                                                 | Lưu Hoàng Phúc         | 23/09/1991 | 29,50                     |         |
| 38                                                 | Phạm Bình Phương       | 24/12/1988 | 28,00                     |         |
| 39                                                 | Tường Thị Thanh Phương | 26/06/1992 | 27,00                     |         |
| 40                                                 | Lê Thị Như Quỳnh       | 29/07/2000 | 35,50                     |         |
| 41                                                 | Nguyễn Thị Sen         | 19/12/1995 | 26,00                     |         |
| 42                                                 | Hoàng Thị Minh Tâm     | 22/09/1988 | 27,00                     |         |
| 43                                                 | Nguyễn Thị Kim Thảo    | 08/11/1992 | 26,00                     |         |
| 44                                                 | Nguyễn Thị Thu Thảo    | 06/02/1993 | 26,00                     |         |
| 45                                                 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 30/08/1977 | 34,00                     |         |
| 46                                                 | Nguyễn Thị Thu Trâm    | 14/01/1990 | 26,00                     |         |
| 47                                                 | Nguyễn Thùy Trang      | 04/09/2001 | 28,00                     |         |
| 48                                                 | Đặng Thị Mộng Tuyết    | 24/08/1993 | 26,00                     |         |
| 49                                                 | Trần Hà Lệ Uyên        | 05/07/1991 | 27,00                     |         |
| 50                                                 | Phan Thị Tường Vi      | 19/06/1997 | 27,00                     |         |
| 51                                                 | Mai Yên Vy             | 02/12/2001 | 33,50                     |         |
| 52                                                 | Trần Lâm Bảo Vy        | 21/07/1998 | 31,00                     |         |
| 53                                                 | Vũ Thị Yên             | 10/03/1990 | 26,00                     |         |
| 54                                                 | Hồ Thị Phi Yên         | 26/05/1997 | 33,50                     |         |
| Danh sách này gồm có 54 (năm mươi bốn) thí sinh./. |                        |            |                           |         |

Ghi chú: Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác),

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



**Hồ Sỹ Thắng**



**HIỆU TRƯỞNG  
Hồ Văn Thống**

**KẾT QUẢ XÉT HỒ SƠ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT THÁNG 12, NĂM 2024**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục**

| TT | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Điểm<br>trung bình<br>xét hồ sơ | Ghi<br>chú |
|----|------------------|--------|------------|---------------------------------|------------|
| 1  | Giang Thị Quí    | Anh    | 25/12/1981 | 31,00                           |            |
| 2  | Lê Công          | Bình   | 24/04/1979 | 31,00                           |            |
| 3  | Lâm Hoàng        | Châu   | 20/08/1987 | 32,00                           |            |
| 4  | Lê Thị           | Chính  | 29/07/1985 | 30,00                           |            |
| 5  | Nguyễn Thị       | Chính  | 18/05/1973 | 29,00                           |            |
| 6  | Lê Thị Thúy      | Dung   | 23/05/1975 | 29,00                           |            |
| 7  | Trần Thị Hương   | Duyên  | 20/05/1992 | 32,00                           |            |
| 8  | Nguyễn Thùy Thúy | Hạnh   | 09/02/1984 | 32,00                           |            |
| 9  | Nguyễn Minh      | Hiếu   | 10/08/1987 | 33,00                           |            |
| 10 | Hứa Thị Phụng    | Hoàng  | 16/01/1986 | 33,00                           |            |
| 11 | Hà Thị Cẩm       | Hồng   | 01/01/1978 | 33,00                           |            |
| 12 | Nguyễn Thị Thiên | Hương  | 11/06/1989 | 31,00                           |            |
| 13 | Lâm Hiếu         | Lễ     | 15/09/1981 | 32,00                           |            |
| 14 | Dương Nhật       | Linh   | 02/09/1980 | 32,00                           |            |
| 15 | Nguyễn Thị Mỹ    | Linh   | 23/03/1981 | 34,00                           |            |
| 16 | Trần Thị Mộng    | Linh   | 27/03/1979 | 30,00                           |            |
| 17 | Lê Thị Nhu       | Mì     | 02/08/1990 | 31,00                           |            |
| 18 | Nguyễn Ngọc      | Minh   | 09/03/1988 | 31,00                           |            |
| 19 | Nguyễn Thị Ánh   | Nga    | 16/05/1986 | 31,00                           |            |
| 20 | Bùi Thị Ánh      | Nguyệt | 20/05/1986 | 29,00                           |            |
| 21 | Hoàng Thị        | Nhài   | 05/03/1980 | 30,00                           |            |
| 22 | Huỳnh Kim        | Nhân   | 21/08/1983 | 31,00                           |            |
| 23 | Nguyễn Thị       | Phận   | 01/01/1990 | 35,00                           |            |
| 24 | Lê Thị Kim       | Quyên  | 27/02/1972 | 30,00                           |            |
| 25 | Nguyễn Thị Ngân  | Tâm    | 10/03/1987 | 33,00                           |            |
| 26 | Nguyễn Trần Kiến | Thành  | 22/02/1996 | 33,00                           |            |
| 27 | Nguyễn Ngọc      | Thảo   | 09/09/1985 | 30,00                           |            |
| 28 | Nguyễn Thị       | Thảo   | 02/05/1981 | 30,00                           |            |
| 29 | Tạ Thị Thu       | Thảo   | 10/07/1985 | 30,00                           |            |
| 30 | Võ Lê Ngọc       | Thảo   | 01/10/1985 | 31,00                           |            |

| TT | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|----|------------------|-------|------------|---------------------------|---------|
| 31 | Trần Thị         | Thu   | 11/09/1980 | 31,00                     |         |
| 32 | Lê Thị Anh       | Thư   | 13/12/1981 | 31,00                     |         |
| 33 | Danh Thanh       | Thúy  | 06/03/1987 | 33,00                     |         |
| 34 | Lê Thị Thu       | Thủy  | 02/03/1989 | 31,00                     |         |
| 35 | Lê Thị           | Trang | 12/02/1984 | 33,00                     |         |
| 36 | Trương Chánh     | Trực  | 17/09/1982 | 31,00                     |         |
| 37 | Lâm Thị Thúy     | Vân   | 26/05/1981 | 30,00                     |         |
| 38 | Nguyễn Thị Thu   | Vân   | 01/01/1976 | 33,00                     |         |
| 39 | Huỳnh Hữu        | Văn   | 09/09/1985 | 32,00                     |         |
| 40 | Đặng Thanh       | Vui   | 01/02/1978 | 32,00                     |         |
| 41 | Lê Minh          | Vương | 02/05/1985 | 32,00                     |         |
| 42 | Lê Thanh         | Bình  | 05/06/1982 | 31,00                     |         |
| 43 | Lê Minh          | Châu  | 25/06/1981 | 32,00                     |         |
| 44 | Lê Thụy Ngọc     | Châu  | 19/02/1986 | 31,00                     |         |
| 45 | Quách Thị        | Chính | 21/02/1981 | 31,00                     |         |
| 46 | Huỳnh Kim        | Định  | 01/01/1983 | 33,00                     |         |
| 47 | Huỳnh Thu        | Gấm   | 03/11/1986 | 31,00                     |         |
| 48 | Đỗ Ngọc Ngân     | Hà    | 27/08/1982 | 32,00                     |         |
| 49 | Nguyễn Đình      | Hữu   | 29/04/1988 | 33,00                     |         |
| 50 | Cao Thanh        | Mộng  | 16/03/1988 | 33,00                     |         |
| 51 | Nguyễn Thế       | Nam   | 22/12/1982 | 32,00                     |         |
| 52 | Hồ Xuân          | Nghĩa | 29/06/1979 | 31,00                     |         |
| 53 | Nguyễn Trọng     | Nghĩa | 25/10/1981 | 32,00                     |         |
| 54 | Phạm Thị Mỹ      | Như   | 10/11/1992 | 32,00                     |         |
| 55 | Đỗ Tấn           | Phải  | 21/10/1977 | 31,00                     |         |
| 56 | Trần Hồng        | Phúc  | 17/12/1984 | 32,00                     |         |
| 57 | Huỳnh Thị Phương | Quyên | 16/11/1980 | 32,00                     |         |
| 58 | Nguyễn Thiết     | Thịnh | 30/10/1981 | 30,00                     |         |
| 59 | Trần Quốc        | Thịnh | 06/03/1979 | 33,00                     |         |
| 60 | Nguyễn Thị Đông  | Thùy  | 23/01/1986 | 31,00                     |         |
| 61 | Trần Thị Hồng    | Trang | 28/01/1985 | 30,00                     |         |
| 62 | Dương Văn        | Vũ    | 15/10/1981 | 31,00                     |         |
| 63 | Trần Thị Ngọc    | Dung  | 15/01/1979 | 32,00                     |         |
| 64 | Trương Công      | Đạm   | 06/04/1980 | 33,00                     |         |
| 65 | Hà Thanh         | Hải   | 23/08/1980 | 31,00                     |         |
| 66 | Trần Hữu         | Hạnh  | 09/06/1978 | 31,00                     |         |
| 67 | Phạm Thị Mỹ      | Linh  | 13/11/1982 | 32,00                     |         |

| TT  | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|------------|---------------------------|---------|
| 68  | Tăng Thị Tuyết   | Ngân   | 30/05/1990 | 31,00                     |         |
| 69  | Lưu Thị Trúc     | Phương | 07/03/1979 | 31,00                     |         |
| 70  | Nguyễn Thị Thanh | Thảo   | 09/03/1995 | 33,00                     |         |
| 71  | Nguyễn Thị       | Thật   | 01/05/1977 | 32,00                     |         |
| 72  | Nguyễn Ngọc      | Thơ    | 06/11/1982 | 32,00                     |         |
| 73  | Mai Thị Hà       | Vân    | 08/03/1986 | 32,00                     |         |
| 74  | Nông Thái Thùy   | An     | 23/11/1994 | 34,00                     |         |
| 75  | Trần Thị Kim     | Chung  | 12/08/1986 | 33,00                     |         |
| 76  | Lý Huỳnh Mộng    | Diệp   | 03/07/1980 | 32,00                     |         |
| 77  | Nguyễn Ngọc      | Dung   | 27/06/1981 | 33,00                     |         |
| 78  | Nguyễn Ngọc      | Dũng   | 01/10/1981 | 32,00                     |         |
| 79  | Trương           | Đương  | 14/02/1986 | 34,00                     |         |
| 80  | Nguyễn Thị Hồng  | Gấm    | 29/04/1994 | 32,00                     |         |
| 81  | Nguyễn Thị Thu   | Hà     | 03/03/1978 | 32,00                     |         |
| 82  | Huỳnh Thị        | Hạnh   | 28/10/1987 | 32,00                     |         |
| 83  | Trần Nguyên      | Hiếu   | 18/01/1984 | 33,00                     |         |
| 84  | Tăng Văn         | Hoàng  | 04/03/1979 | 32,00                     |         |
| 85  | Trương Thị       | Huệ    | 26/06/1979 | 32,00                     |         |
| 86  | Nguyễn Thị Mai   | Huyền  | 30/08/1980 | 32,00                     |         |
| 87  | Vũ Thị Bích      | Huyền  | 28/05/1981 | 33,00                     |         |
| 88  | Dương Thị Mỹ     | Linh   | 27/05/1981 | 34,00                     |         |
| 89  | Hoàng Thị Mỹ     | Linh   | 26/12/1976 | 32,00                     |         |
| 90  | Nguyễn Thị Minh  | Loan   | 31/07/1976 | 31,00                     |         |
| 91  | Bạch Phi         | Long   | 20/06/1987 | 34,00                     |         |
| 92  | Trần Thị         | Mai    | 18/08/1990 | 32,00                     |         |
| 93  | Nguyễn Thị       | Mỹ     | 28/11/1976 | 31,00                     |         |
| 94  | Nguyễn Hoàng     | Nam    | 29/12/1986 | 32,00                     |         |
| 95  | Nguyễn Thị       | Nguyên | 02/02/1981 | 33,00                     |         |
| 96  | Nguyễn Thị Thu   | Nguyệt | 13/10/1986 | 32,00                     |         |
| 97  | Nguyễn Thị Xuân  | Nhật   | 20/09/1994 | 34,00                     |         |
| 98  | Nguyễn Thị Yến   | Nhi    | 13/02/1992 | 34,00                     |         |
| 99  | Lê Bích          | Phong  | 23/03/1983 | 33,00                     |         |
| 100 | Trần Hữu         | Phước  | 16/05/1973 | 31,00                     |         |
| 101 | Nguyễn Văn       | Phương | 23/02/1985 | 30,00                     |         |
| 102 | Nguyễn Thị Lệ    | Quyên  | 23/02/1979 | 33,00                     |         |
| 103 | Nguyễn Thanh     | Tâm    | 06/01/1996 | 36,00                     |         |
| 104 | Lê Thị           | Thắm   | 12/08/1982 | 32,00                     |         |

| TT  | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Điểm<br>trung bình<br>xét hồ sơ | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------|------------|---------------------------------|------------|
| 105 | Trần Hoài          | Thanh  | 04/12/1980 | 31,00                           |            |
| 106 | Nguyễn Thị         | Thảo   | 11/03/1997 | 34,00                           |            |
| 107 | Nguyễn Thị         | Thảo   | 27/10/1986 | 32,00                           |            |
| 108 | Trịnh Thị Thanh    | Thảo   | 31/10/1986 | 34,00                           |            |
| 109 | Phạm Thị Kim       | Thêu   | 29/11/1990 | 32,00                           |            |
| 110 | Huỳnh Ngọc Hà      | Thi    | 29/08/1995 | 31,00                           |            |
| 111 | Phạm Công          | Thuận  | 01/06/1987 | 33,00                           |            |
| 112 | Kiều Thị Thu       | Thủy   | 19/12/1983 | 32,00                           |            |
| 113 | Nguyễn Băng Phương | Thụy   | 20/09/1981 | 34,00                           |            |
| 114 | Hàn Văn            | Tiến   | 18/08/1986 | 33,00                           |            |
| 115 | Nguyễn Thị         | Trang  | 01/01/1996 | 32,00                           |            |
| 116 | Nguyễn Thị Thùy    | Trang  | 29/10/1986 | 32,00                           |            |
| 117 | Nguyễn Thị Thanh   | Trúc   | 04/06/1978 | 32,00                           |            |
| 118 | Nguyễn Thị         | Vân    | 12/09/1997 | 31,00                           |            |
| 119 | Phạm Thị Thúy      | Vân    | 28/06/1996 | 31,00                           |            |
| 120 | Phan Thị Thanh     | Vân    | 09/01/1986 | 34,00                           |            |
| 121 | Bùi Văn            | Việt   | 30/12/1975 | 35,00                           |            |
| 122 | Nguyễn Vương       | Vũ     | 17/10/1992 | 34,00                           |            |
| 123 | Nguyễn Thị Tuyết   | Anh    | 01/03/1990 | 33,00                           |            |
| 124 | Trần Thị           | Bé     | 10/10/1978 | 30,00                           |            |
| 125 | Phan Văn           | Cảnh   | 28/03/1999 | 30,00                           |            |
| 126 | Huỳnh Thị Kim      | Chánh  | 02/01/1989 | 34,00                           |            |
| 127 | Trần Thị Diễm      | Châu   | 12/11/1980 | 32,00                           |            |
| 128 | Vũ Thị Kim         | Chi    | 10/10/1989 | 33,00                           |            |
| 129 | Phùng Thị Ngọc     | Điệp   | 15/07/1987 | 33,00                           |            |
| 130 | Bùi Thị Thu        | Hà     | 04/11/1983 | 32,00                           |            |
| 131 | Ngô Văn            | Hiệp   | 14/02/1973 | 31,00                           |            |
| 132 | Nguyễn Thị Thu     | Hồng   | 29/03/1978 | 31,00                           |            |
| 133 | Phạm Thị           | Hương  | 16/11/1980 | 30,00                           |            |
| 134 | Triệu Thị Thanh    | Hương  | 10/09/1978 | 32,00                           |            |
| 135 | Nguyễn Kim         | Huyền  | 18/07/1979 | 31,00                           |            |
| 136 | Ngô Dương          | Kha    | 07/07/1996 | 32,00                           |            |
| 137 | Trần Thị           | Liên   | 09/03/1993 | 33,00                           |            |
| 138 | Ngô Nguyễn Quỳnh   | Ngân   | 13/01/1993 | 34,00                           |            |
| 139 | Nguyễn Hữu         | Nghĩa  | 21/06/1996 | 32,00                           |            |
| 140 | Phan Kim Minh      | Nguyệt | 21/06/1991 | 32,00                           |            |
| 141 | Huỳnh Kim          | Phương | 25/10/1989 | 33,00                           |            |

| TT  | Họ và tên             |        | Ngày sinh  | Điểm<br>trung bình<br>xét hồ sơ | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|--------|------------|---------------------------------|------------|
| 142 | Trần Minh             | Quyên  | 20/08/1995 | 33,00                           |            |
| 143 | Bùi Thị Tố            | Tâm    | 24/04/1982 | 33,00                           |            |
| 144 | Nguyễn Đặng Ngọc      | Tâm    | 19/07/1990 | 30,00                           |            |
| 145 | Nguyễn Thị Chí        | Tâm    | 20/07/1972 | 32,00                           |            |
| 146 | Nguyễn Thị Phương     | Thanh  | 02/01/1996 | 30,00                           |            |
| 147 | Nguyễn Thị Minh       | Thơ    | 10/02/1989 | 32,00                           |            |
| 148 | Lê Minh               | Thúy   | 08/10/1982 | 30,00                           |            |
| 149 | Trần Thị Ngọc         | Trân   | 26/02/1982 | 30,00                           |            |
| 150 | Thái Quế              | Trang  | 22/09/1983 | 33,00                           |            |
| 151 | Trần Thị Thục Nữ Đoàn | Trang  | 26/11/1985 | 33,00                           |            |
| 152 | Trần Thị Tuyết        | Trinh  | 10/02/1995 | 32,00                           |            |
| 153 | Nguyễn Văn Bảo        | Trung  | 19/08/1993 | 31,00                           |            |
| 154 | Nguyễn Nhật           | Trường | 23/07/1989 | 32,00                           |            |
| 155 | Lữ Kim                | Tuyền  | 15/10/1979 | 31,00                           |            |
| 156 | Lê Thị                | Vân    | 17/09/1985 | 32,00                           |            |
| 157 | Phạm Thị Thanh        | Bình   | 16/02/1993 | 32,00                           |            |
| 158 | Nguyễn Võ Kim         | Chi    | 15/09/1989 | 32,00                           |            |
| 159 | Nguyễn Ngọc           | Diễm   | 06/11/1992 | 32,00                           |            |
| 160 | Trần Thụy Kim         | Hằng   | 18/09/1991 | 31,00                           |            |
| 161 | Nguyễn Thị            | Hiền   | 09/07/1985 | 32,00                           |            |
| 162 | Đoàn Công             | Hiếu   | 10/10/1989 | 32,00                           |            |
| 163 | Nguyễn Thế Duy        | Khôi   | 29/10/1993 | 33,00                           |            |
| 164 | Nguyễn Thị            | Kiều   | 25/11/1973 | 32,00                           |            |
| 165 | Đinh Thị Mỹ           | Lệ     | 04/04/1996 | 31,00                           |            |
| 166 | Nguyễn Thành          | Nam    | 04/06/1981 | 32,00                           |            |
| 167 | Hoàng Thị Hồng        | Ngát   | 18/02/1988 | 32,00                           |            |
| 168 | Lê Minh               | Nhật   | 08/09/1996 | 33,00                           |            |
| 169 | Võ Thị Quỳnh          | Như    | 05/02/1989 | 30,00                           |            |
| 170 | Phan Thị Ngọc         | Nữ     | 10/03/1978 | 32,00                           |            |
| 171 | Lê Thị Kim            | Quyên  | 03/09/1984 | 31,00                           |            |
| 172 | Hồ Thị                | Son    | 23/09/1988 | 32,00                           |            |
| 173 | Nguyễn Thị Tuyết      | Sương  | 06/03/1990 | 32,00                           |            |
| 174 | Nguyễn Thị Hồng       | Thắm   | 14/05/1984 | 32,00                           |            |
| 175 | La Chí                | Thanh  | 13/02/1985 | 33,00                           |            |
| 176 | Huỳnh Ngọc            | Thảo   | 26/05/1990 | 33,00                           |            |
| 177 | Huỳnh Đức             | Thiên  | 09/02/1992 | 35,00                           |            |
| 178 | Nguyễn Văn            | Thuận  | 02/09/1979 | 32,00                           |            |

| TT  | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-----|------------------|--------|------------|---------------------------|---------|
| 179 | Trần Thị Bích    | Thủy   | 09/02/1983 | 31,00                     |         |
| 180 | Trần Thị Thanh   | Thủy   | 22/03/1991 | 31,00                     |         |
| 181 | Lý Thị Hồng      | Trang  | 24/03/1987 | 32,00                     |         |
| 182 | Nguyễn Thị Xuân  | Trang  | 10/05/1988 | 31,00                     |         |
| 183 | Đặng Thị Minh    | Trí    | 09/06/1982 | 33,00                     |         |
| 184 | Phạm Thị Ngọc    | Triều  | 16/05/1984 | 32,00                     |         |
| 185 | Huỳnh Thanh      | Trung  | 13/09/1983 | 32,00                     |         |
| 186 | Bùi Nhật         | Trường | 12/11/1998 | 33,00                     |         |
| 187 | Nguyễn Trung     | Trường | 16/06/1984 | 31,00                     |         |
| 188 | Lê Thị Cẩm       | Tú     | 22/09/1986 | 31,00                     |         |
| 189 | Nguyễn Anh       | Tuấn   | 08/06/1994 | 32,00                     |         |
| 190 | Tăng Thị Thùy    | Vân    | 23/01/1980 | 33,00                     |         |
| 191 | Nguyễn Thị Kim   | Việt   | 15/06/1996 | 31,00                     |         |
| 192 | Lâm Ngọc         | Vy     | 09/04/1977 | 32,00                     |         |
| 193 | Đinh Thị         | Xim    | 20/12/1993 | 31,00                     |         |
| 194 | Nguyễn Thị Bạch  | Yến    | 10/11/1984 | 33,00                     |         |
| 195 | Tạ Ngọc          | Yến    | 08/12/1990 | 33,00                     |         |
| 196 | Hồ Thị Việt      | An     | 20/08/1989 | 33,00                     |         |
| 197 | Bùi Văn          | Bền    | 12/10/1985 | 34,00                     |         |
| 198 | Võ Văn Bảy       | Em     | 01/07/1980 | 29,00                     |         |
| 199 | Nguyễn Thị       | Gấm    | 10/05/1987 | 32,00                     |         |
| 200 | Trương Hoàng     | Giang  | 09/08/1986 | 32,00                     |         |
| 201 | Phạm Tấn         | Lợi    | 20/11/1978 | 33,00                     |         |
| 202 | Nguyễn Thị Thùy  | Mỵ     | 05/06/1981 | 31,00                     |         |
| 203 | Huỳnh Đức        | Nhân   | 14/12/1986 | 31,00                     |         |
| 204 | Lê Ngọc          | Sương  | 12/08/1983 | 30,00                     |         |
| 205 | Nguyễn Trí       | Vàng   | 08/11/1978 | 31,00                     |         |
| 206 | Huỳnh Xuân       | Vũ     | 13/04/1982 | 32,00                     |         |
| 207 | Cao Thị Kim      | Chi    | 24/07/1992 | 31,00                     |         |
| 208 | Lê Thị Thùy      | Dung   | 20/06/1979 | 32,00                     |         |
| 209 | Phạm Tiến        | Dũng   | 07/08/1976 | 32,00                     |         |
| 210 | Võ Như           | Dũng   | 26/11/1983 | 33,00                     |         |
| 211 | Đinh Nguyễn Quốc | Duy    | 02/07/1994 | 34,00                     |         |
| 212 | Tạ Lê            | Duy    | 15/10/1991 | 31,00                     |         |
| 213 | Lã Hồng          | Hà     | 27/10/1983 | 31,00                     |         |
| 214 | Lê Thị Thu       | Hà     | 26/02/1979 | 33,00                     |         |
| 215 | Nguyễn Tấn       | Hào    | 18/10/1986 | 34,00                     |         |

| TT                                                          | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Điểm trung bình xét hồ sơ | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|--------|------------|---------------------------|---------|
| 216                                                         | Cao Thanh         | Hoàng  | 08/10/1979 | 32,00                     |         |
| 217                                                         | Nguyễn Kim        | Hoàng  | 18/01/1980 | 30,00                     |         |
| 218                                                         | Bùi Thị Ánh       | Hương  | 29/03/1995 | 32,00                     |         |
| 219                                                         | Đỗ Thị Lan        | Hương  | 21/08/1998 | 33,00                     |         |
| 220                                                         | Nguyễn Hoàng Trúc | Linh   | 20/08/1981 | 33,00                     |         |
| 221                                                         | Nguyễn Ngọc       | Loan   | 27/01/1983 | 31,00                     |         |
| 222                                                         | Lưu Hồng          | Mai    | 04/04/1987 | 34,00                     |         |
| 223                                                         | Nguyễn Thị Kim    | Ngân   | 07/01/1991 | 32,00                     |         |
| 224                                                         | Nguyễn Thị Kiều   | Oanh   | 04/11/1983 | 31,00                     |         |
| 225                                                         | Trần Thị Ngọc     | Phuong | 21/07/1977 | 32,00                     |         |
| 226                                                         | Phan Hoàng Lệ     | Quyên  | 19/02/1984 | 32,00                     |         |
| 227                                                         | Phan Thị Kim      | Thủy   | 03/08/1987 | 31,00                     |         |
| 228                                                         | Hà Diễm           | Tuyết  | 29/12/1983 | 32,00                     |         |
| 229                                                         | Nguyễn Thị Tố     | Uyên   | 28/11/1983 | 33,00                     |         |
| 230                                                         | Phan Thị Thúy     | Vân    | 16/04/1990 | 32,00                     |         |
| 231                                                         | Nguyễn Thị Hoa    | Xinh   | 31/03/1982 | 34,00                     |         |
| Danh sách này gồm có 231 (hai trăm ba mươi một) thí sinh./. |                   |        |            |                           |         |

**Ghi chú :** Thí sinh được đưa vào danh sách đề nghị xét tuyển phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Điểm hồ sơ xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên;
- Ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định;
- Đã học và đạt yêu cầu chương trình bổ sung kiến thức (đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác).

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



**Hồ Sỹ Thắng**



**HIỆU TRƯỞNG**  
**Hồ Văn Thống**